



# CÂU NGHI VẤN TIẾNG KHMER VÀ VIỆC DẠY HỌC CÂU NGHI VẤN TIẾNG KHMER TRONG CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC SONG NGỮ

ThS. CAO VIỆT HÀ

Trung tâm Nghiên cứu Giáo dục Dân tộc

## 1. Câu nghi vấn tiếng Khmer

Nếu quan niệm câu nghi vấn là câu biểu thị sự hỏi và kết thúc bằng dấu chấm hỏi (?) thì không đúng với câu nghi vấn Khmer hiện nay. Bởi vì, câu nghi vấn của tiếng Khmer truyền thống không kết thúc bằng dấu hỏi mà kết thúc bằng dấu *khân* (dấu chấm câu). Về sau, người Khmer khi tiếp xúc với các ngôn ngữ hiện đại mới bổ sung vào sau câu nghi vấn của mình dấu hỏi. Các phương tiện thể hiện câu nghi vấn tiếng Khmer cũng là ngữ điệu hỏi (nhấn cao giọng ở từ nghi vấn) và các từ nghi vấn: *ណា*(*na*), *ប៉ុន្មាន*(*pon-man*), *អ្វីខ្លះ*(*ò-vây kho-las...*)...

**1.1.** Câu nghi vấn tiếng Khmer cũng dùng các từ nghi vấn như tiếng Việt- đây là một sự gần gũi thuận lợi cho người dạy và người học song ngữ. Giống như tiếng Việt, tiếng Khmer có đầy đủ các câu nghi vấn về đối tượng, hoạt động, nơi chốn, số lượng, trạng thái, sở hữu, sự hoàn thành, sự tồn tại, vị trí, cách thức.... Loại câu nghi vấn này chỉ tiếp nhận thông tin về một bộ phận trong câu nên gọi là câu nghi vấn bộ phận: *នរណា* (*nô na-ai*); *អ្នកណា* (*nê na - người nào*); *នរណានោះ* (*nô na nú- ai đó*); *អ្វី(ò-vây-cái gì)*; *ហេតុអ្វី* *ហេតុអ្វី* (*hết ò-vây, hết ây -tại sao*); *អណា(ây na- đâu)*; *ទៅណា(tâu na-đi đâu)*; *នៅណា(nâu e na-ở đâu)*; *ទីណា(nâu e-na - chỗ nào)*; *ពេលណា(pên na- lúc nào)*; *កាលណា,(can na - khi nào)*; *ដូចម្តេច (đooch- mđêch- như thế nào)*; *យ៉ាងណា (dang-na - ra sao)*; *ប៉ុន្មាន (poan man - bao nhiêu)*; *ដោយអ្វី (đoi ò-vây- bằng gì)*.

Từ nghi vấn tiếng Khmer thường đứng ở các vị trí khá giống tiếng Việt. Với câu nghi vấn muốn tiếp nhận thông tin về nguyên nhân, từ nghi vấn thường đứng ở đầu câu như: *ហេតុអ្វី (hết ò-vây) ហេតុអ្វី (hết ây) ហេតុដូចម្តេច (hết mô-đêch)*; *ហេតុម្តេចយើង ត្រូវដឹងគុណលោកគ្រូអ្នកគ្រូ (Hết mô-đêch dang to-râu đâng kun looc*

*cô-ru nec cô-ru -vì sao phải biết ơn thầy cô giáo).*

Câu nghi vấn tiếp nhận thông tin về chủ ngữ có các từ nghi vấn như *ណា (na - nào)*, *អ្វី(ò-vây-gì)* đứng ngay sau danh từ như: *កូនអ្វី(côn ò-vây-con gì)*; *វត្តអ្វី(vất-thộ ò-vây -vật gì)*; *អ្នកណា?(nê na -người nào)*; *ថ្ងៃណា?(thngay na- ngày nào)*; *ខែណា(khe na- tháng nào)*; *ឆ្នាំណា(chnăm na -năm nào)*.

Khi muốn biết về vị ngữ (hoạt động của người và vật) người Khmer có cách hỏi giống tiếng Việt tức là từ nghi vấn đặt ngay sau động từ: *ថ្ងៃនេះបងធ្វើអ្វី (Tho-ngay nis boong tho-vơ ây - Hôm nay anh làm gì)*. Với mẫu câu này có thể hỏi *ăn món ăn gì, học môn gì, đi đâu*, nhưng cần thông tin có tính chất liệt kê (hỏi về số nhiều mà người trả lời phải liệt kê các thông tin để trả lời), thì có một cặp từ nghi vấn khác như *តើ...អ្វីខ្លះ( tở...ò-vây khla)*, hoặc chỉ một từ *ខ្លះ (kho-las)*. Từ *ខ្លះ (kho-las)* này đứng ở vị trí cuối câu: *ផ្ទះប្អូនមាននរណាខ្លះ (Nhà em có những ai)*. Nếu dịch sát từng từ ra tiếng Việt ta có: *Nhà em có ai những?*

Khi cần để hỏi như thế nào (hỏi về đặc điểm, tính chất) thì người Khmer dùng cụm từ nghi vấn *ដូចម្តេច(đôch-mô-đêch.)*. Cụm từ này thường đứng ở cuối câu: *អ្នកស្រុកក្នុងភូមិហៅម្តងម៉ាដូចម្តេច (Nê so-rôc co-nông phum hau Mô-ni tha đôch-mô-đêch. Dân làng gọi Mô-ni với cái tên như thế nào)*.

Trong tiếng Khmer, từ nghi vấn *ណា(na - nào)* có tần số sử dụng lớn, dùng để biểu thị ý hỏi tương đối rõ.

**1.2.** Với nghi vấn giả định khung trả lời, người Khmer thường sử dụng các từ đối lập: *មាន-គ្មាន (mien-cô-miên - có- không)*, *ហើយ-វិនៅ (hôi -ru nâu- đả- chưa)* và một số từ nghi vấn khác. Dạng câu nghi vấn này trong tiếng Khmer được cấu tạo bằng những phương tiện riêng, có cấu tạo



riêng có phần giống với tiếng Việt lại có phần không giống với tiếng Việt. Dưới đây là một số dạng: នៅរឺទេ (nâu rư-tê- còn không); មិនរឺទេ (miên rư-tê- có hay không).

Từ rư (có thể viết bởi một nguyên âm độc lập, lại có thể viết như một từ Khmer thông thường, tức là viết một phụ âm với một dấu nguyên âm có thể đánh vần), đứng ở giữa hai trạng trái, hành động trái ngược nhau: បងប្អូនបាយហើយរឺនៅ (Boong hốp bai hơi rư nâu-Anh ăn cơm chưa); បងរៀនភាសាខ្មែរហើយរឺនៅ (Boong riên phìa-sa Khmer hơi rư nâu-Anh học tiếng Khmer chưa); គាត់ស្រាវជ្រាវរឺនៅ (Quát so-rò-lanh nô na hơi rư nâu-Anh ấy yêu ai chưa). Khi được hỏi, người trả lời chỉ cần nói: ហើយ (hơi - rồi) hay នៅ (nâu - chưa) mà vẫn đảm bảo sự lịch sự không cần phải trả lời đầy đủ câu. Về cấu tạo câu nghi vấn, như đã khảo sát, các từ nghi vấn ngoài việc có រឺ (rư) đứng giữa hai trạng thái, hoạt động thì cả bộ phận này đứng sau nòng cốt chủ+vi. Điều lưu ý ở đây là với dạng câu nghi vấn này, người Khmer còn có cách nói không cần sự cân xứng có hay không như trên mà chỉ cần nói tắt, tức là chỉ cần dùng một vế: បងប្អូនបាយរឺនៅ (Boong hốp- bai rư nâu-Anh ăn cơm chưa); បងសប្បាយជានិរឺទេ (Sooc-sbai chia rư-tê-Anh có khoẻ không).

**1.3.** Với câu nghi vấn toàn bộ là những câu nghi vấn được cấu tạo bằng cách sử dụng một số yếu tố tình thái đứng ở cuối câu. Về nội dung, những câu nghi vấn dạng này được đặt ra nhằm tìm kiếm câu trả lời cho biết tính chân xác, hoặc sự đồng thuận từ phía người đối thoại với điều người nói đã phỏng đoán hay đề xuất với ít nhiều dè dặt: គាត់ជាជនជាតិខ្មែរមែនរឺទេ? (Quát chia chun chiết Khmer men-rư-tê- Ông ta là người Khmer phải không); គាត់គឺជាអ្នកមានត្រូវរឺទេ? (Quát cư chia nẹ miên tơ trầu tê- Ông ta là người giàu có phải không).

Với loại câu nghi vấn toàn bộ có câu trả lời định sẵn mang tính lựa chọn (đúng hoặc không đúng, phải hoặc không phải), người Khmer chỉ cần thêm vào cuối câu cụm từ: តើត្រូវរឺទេ (tơ to-râu tê), មែនរឺទេ (men tê), ត្រូវរឺទេ (to-râu tê).

**2. Dạy học câu nghi vấn tiếng Khmer trong chương trình giáo dục song ngữ**

**2.1.** Như đã khảo sát ở trên, lối đặt câu nghi vấn của người Khmer khá giống lối đặt câu nghi vấn của người Việt. Việc dạy tiếng Việt dựa trên nền tảng tiếng Khmer hoàn toàn có thuận lợi, tức là có sự chuyển di tích cực trong trường hợp dạy câu nghi vấn. Người biên soạn và người đứng lớp có thể tham khảo nội dung và cách dạy câu nghi vấn trong tiếng Việt. Tuy nhiên, khi dạy học câu nghi vấn Khmer không thể xem nhẹ việc nghiên cứu tìm ra những dấu hiệu đặc thù để tìm ra nội dung và phương pháp dạy học phù hợp. Với ngôn ngữ như ngôn ngữ Khmer, câu nghi vấn dùng phương thức từ và cụm từ nghi vấn (khác với loại ngôn ngữ dùng phương thức đảo trật tự câu khẳng định để biến thành câu nghi vấn) thì việc dạy sử dụng từ, cụm từ nghi vấn nên được coi trọng. Mỗi từ, cụm từ nghi vấn có một vai trò riêng, đây chính là nội dung nên dạy. Về cách dạy, nên có sự kết hợp dạy cấu trúc câu với dạy thực hành ngôn ngữ. Do đặc điểm chữ viết Khmer không có sự phân định ranh giới giữa các từ, khi viết, giáo viên nên tìm cách viết bút hay phấn khác màu giúp học sinh nhận ra từ, cụm từ nghi vấn trong đơn vị câu. Và khi đọc các câu nghi vấn này, giáo viên nên đọc đúng ngữ điệu.

**2. 2.** Với ba dạng thức nói trên, khi dùng câu nghi vấn để giúp học sinh tìm hiểu bài, người biên soạn hay giáo viên không nên sử dụng loại câu nghi vấn có khung trả lời មិន-គ្មាន (miên, cô miên-có, không), nên sử dụng câu hỏi bộ phận. Tuy vậy, câu nghi vấn có sẵn khung trả lời nên được sử dụng trong các bài tập kiểm tra, đánh giá dưới dạng trắc nghiệm. Kiểm tra bằng loại câu nghi vấn này rất thuận tiện cho việc lập bảng thống kê, tính phần trăm. Và như thế, trong đánh giá, tính chính xác và khách quan cao. Câu nghi vấn bộ phận mang tính mở, dễ thấy được năng lực của từng học sinh nhưng không thuận cho việc lập bảng tổng hợp. Việc đánh giá của giáo viên cũng dễ mang màu sắc chủ quan. Trong giảng dạy, giáo viên nên hạn chế sử dụng các câu nghi vấn khiến học sinh phải suy luận nhiều nhất là các câu nghi vấn mà nội dung trả lời nằm ngoài sách giáo khoa. Đó là những câu nghi vấn có các đại từ nghi vấn: ហេតុអ្វី (hệt o-vây- vì sao?), ហេតុអ្វី (hệt ây -tại sao).



**2.3.** Câu nghi vấn xuất hiện ở nhiều phân môn, cho nên không nhất thiết phải chờ đến phân môn Luyện từ và câu mới dạy câu nghi vấn. Trong phân môn Luyện từ và câu, câu nghi vấn trở thành đối tượng học. Học sinh qua khảo sát ngữ liệu rút ra những kiến thức về từng loại câu nghi vấn. Rồi trên cơ sở nắm vững cấu trúc tiến hành các bài tập thực hành luyện tập. Trong phân môn tập đọc, các câu nghi vấn tìm hiểu bài chính là các câu nghi vấn đạt tới độ chuẩn mực lại có chỗ dựa vững chắc của ngữ cảnh. Các câu nghi vấn này trở thành phương tiện quan trọng trong dạy và học. Trong phân môn kể chuyện, câu nghi vấn có vai trò như một điểm tựa tư duy, giúp học sinh định hướng các chi tiết và nội dung cần phải kể. Tuy nhiên, để giúp học sinh khai thác bài hay cung cấp điểm tựa tư duy, giáo viên nên tránh sử dụng loại câu nghi vấn kép đối với học sinh nhất là học sinh tiểu học. Tốt hơn là nên chia nhỏ nội dung muốn hỏi, học sinh trả lời hết nội dung này mới chuyển sang nội dung khác.

**2.4.** Để giúp học sinh giao tiếp có hiệu quả, giáo viên nên cung cấp cho học sinh một số từ nghi vấn có tần số xuất hiện cao. Đồng thời với việc cung cấp từ nghi vấn cần giúp cho học sinh biết vị trí của các từ nghi vấn ấy trong câu nghi vấn. Bởi vì nếu đặt sai vị trí từ, cụm nghi vấn thì người sử dụng sẽ không đạt được mục đích giao tiếp. Mặc dù, với học sinh người Khmer học tiếng Khmer là học tiếng mẹ đẻ, nhưng việc dạy câu nghi vấn thông qua mẫu câu vẫn là việc làm cần thiết.

#### TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Lâm Xai, Thạch Xarat, Thạch Siêng, *Ngữ pháp tiếng Khmer*- Bản tiếng Khmer, NXB Văn hoá dân tộc, 1995.

2. Lâm Xai, Thạch Xarat, Trần Thanh Pôn, *Ngữ pháp tiếng Khmer*- Bản tiếng Khmer có chú tiếng Việt, NXB Văn hoá dân tộc, 1998.

#### SUMMARY

*This article addresses the teaching of Khmer language questions in the current bilingual program.*

## NHỮNG NÉT ĐẶC TRUNG...

(Tiếp theo trang 56)

hưởng đến năng lực lãnh đạo, quản lí. Giải pháp khắc phục hạn chế này là sự đồng bộ, hài hòa, sự trẻ trung, năng động hơn trong cơ cấu lãnh đạo, quản lí nhà trường

Theo bảng số liệu, số lượng GV có độ tuổi trên 55 là 416, chiếm tỉ lệ 1,8%. GV trong độ tuổi này là những người tốt nghiệp sư phạm cách nay trên 33 năm, tức là trong khoảng từ năm 1975 trở về trước (ở miền Nam là chế độ cũ). Số GV này chiếm tỉ lệ rất thấp, trên thực tế là số ít còn công tác tại một số trường THPT ở khu vực. Những người cùng lứa với họ đã xin nghỉ hưu hay chuyển ngành do nhiều lí do khác nhau. Về đặc trưng hoạt động nghề nghiệp, GV trong độ tuổi này có nhiều kinh nghiệm nghề nghiệp nhất, am hiểu học sinh, quá trình dạy học, thành thạo trong công tác chuyên môn, nghiệp vụ. Hạn chế của đội ngũ này là tình trạng không ổn định về sức khỏe, không tham gia hoạt động nhiều. Tâm trạng chung là làm việc chờ đến tuổi nghỉ hưu

Nhìn chung, nét đặc trưng nổi bật thứ nhất trong cơ cấu độ tuổi của GVTHPT của vùng ĐBSCL là sự trẻ trung, năng động, giàu nhiệt huyết nghề nghiệp, trình độ chuyên môn khá vững và mới. Đây là yếu tố cơ sở cho việc hoạch định các chính sách, chủ trương, kế hoạch phát triển giáo dục ở khu vực từ các cấp quản lí. Hiển nhiên là cần thiết có các biện pháp khắc phục những hạn chế vốn có gắn liền với độ tuổi này. Nét đặc trưng nổi bật thứ hai là sự chênh lệch khá lớn về số lượng giữa lực lượng GV trẻ (dưới 36 tuổi) với phần còn lại, điều này ảnh hưởng không tốt tới tính kế thừa giữa các thế hệ. Do vậy, cần có nhiều chính sách tạo điều kiện cho lực lượng trẻ rèn luyện, bồi dưỡng, cọ xát, va chạm thực tiễn nghề nghiệp thường xuyên, đều đặn để họ nhanh chóng trở nên trưởng thành hơn, chín chắn hơn, bản lĩnh hơn, thành thạo, giỏi giang hơn, sẵn sàng nắm bắt trách nhiệm do thế hệ trước trao lại và có khả năng hoàn thành chúng một cách hiệu quả.

#### SUMMARY

*The author presents his comments and proposals based on the age survey by uppersecondary teachers in the Mekong delta, which form the foundation for the policy making in education development.*